



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý I năm 2021	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 31 tháng 03 năm 2021	4
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý I năm 2021	5 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.331.755.983.555	4.065.819.047.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	157.388.467.525	10.337.886.480
1. Tiền	111		157.388.467.525	10.337.886.480
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.780.156.386.770	2.700.963.614.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	413.068.034.034	403.615.390.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	386.320.796.950	388.490.806.606
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		115.533.000.000	138.563.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.865.234.555.786	1.770.294.417.634
IV. Hàng tồn kho	140		1.112.199.116.348	1.094.811.680.835
1. Hàng tồn kho	141	9	1.112.199.116.348	1.094.811.680.835
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.012.012.912	259.705.865.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	235.897.316.615	217.052.297.388
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.414.639.762	32.021.970.274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9.700.056.535	10.631.598.160
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.475.753.135.734	1.465.884.773.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		785.795.143.578	782.205.507.214
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	785.795.143.578	782.205.507.214
II. Tài sản cố định	220		4.257.250.015	4.601.886.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.745.317.567	3.986.592.646
<i>Nguyên giá</i>	222		8.310.391.009	8.914.628.282
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.565.073.442)	(4.928.035.636)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	511.932.448	615.294.070
<i>Nguyên giá</i>	228		1.461.041.429	1.461.041.429
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(949.108.981)	(845.747.359)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	6.946.776.330	7.005.647.316
<i>Nguyên giá</i>	231		7.064.518.302	7.064.518.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(117.741.972)	(58.870.986)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	408.661.109.125	397.173.332.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		408.661.109.125	397.173.332.545
VI. Tài sản dài hạn khác	260		270.092.856.686	274.898.399.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	125.876.403.972	126.657.165.697
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.471.507.091	22.479.769.262
5. Lợi thế thương mại	269	15	121.744.945.623	125.761.464.711
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.807.509.119.289	5.531.703.820.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.702.797.067.749	2.427.299.731.772
I. Nợ ngắn hạn	310		2.556.394.123.055	2.422.377.786.242
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	448.149.867.768	358.793.429.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	534.234.905.538	529.341.288.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	33.518.138.436	36.362.753.061
4. Phải trả người lao động	314		2.116.218.813	2.104.927.672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	149.385.128.974	169.019.804.599
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.818.661.840	1.818.661.840
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	762.575.498.581	683.906.435.102
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	572.858.609.506	587.616.629.506
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	51.737.093.599	53.413.856.742
II. Nợ dài hạn	330		146.402.944.694	4.921.945.530
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	4.377.944.694	4.369.696.530
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	142.025.000.000	552.249.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.104.712.051.540	3.104.404.089.080
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	3.104.712.051.540	3.104.404.089.080
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(66.000.000)	(66.000.000)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(7.652.400.000)	(7.652.400.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.884.333.254	33.884.333.254
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		676.272.136.426	675.964.193.964
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		675.964.193.964	663.054.655.028
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		307.942.462	12.909.538.936
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		149.471.860	149.451.862
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.807.509.119.289	5.531.703.820.852

Người lập biểu



LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2021
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		69.570.289.662	111.971.280.150	69.570.289.662	111.971.280.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32.554.224.719	45.878.653.510	32.554.224.719	45.878.653.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	37.016.064.943	66.092.626.640	37.016.064.943	66.092.626.640
4. Giá vốn hàng bán	11	25	5.866.374.244	30.020.082.823	5.866.374.244	30.020.082.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.149.690.699	36.072.543.817	31.149.690.699	36.072.543.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.589.011.866	30.856.987	3.589.011.866	30.856.987
7. Chi phí tài chính	22	26	11.803.648.035	4.220.612.650	11.803.648.035	4.220.612.650
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.723.648.035</i>	<i>4.220.612.650</i>	<i>11.723.648.035</i>	<i>4.220.612.650</i>
9. Chi phí bán hàng	25	27	2.029.406.073	6.994.639.769	2.029.406.073	6.994.639.769
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.101.922.137	23.176.804.488	20.101.922.137	23.176.804.488
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		803.726.320	1.711.343.897	803.726.320	1.711.343.897
12. Thu nhập khác	31		731.761.349	969.381.794	731.761.349	969.381.794
13. Chi phí khác	32		63.718.922	272.750.827	63.718.922	272.750.827
14. Lợi nhuận khác	40		668.042.427	696.630.967	668.042.427	696.630.967
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.471.768.747	2.407.974.864	1.471.768.747	2.407.974.864
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.155.544.116	461.159.695	1.155.544.116	461.159.695
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	8.262.171	571.027.909	8.262.171	571.027.909
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		307.962.460	1.375.787.260	307.962.460	1.375.787.260
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		307.942.462	1.375.813.827	307.942.462	1.375.813.827
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.998	(26.567)	19.998	(26.567)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1	5	1	5
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1	5	1	5

Người lập biểu

LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2021
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.471.768.747	2.407.974.864
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.457.629.486	2.399.255.672
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.694.185.196)	(30.856.987)
Chi phí lãi vay	06		11.803.648.035	4.220.612.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.038.861.072	8.996.986.199
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(105.689.011.807)	2.445.432.945
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.873.073.291)	(74.804.372.773)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		151.602.824.004	111.766.299.561
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(18.054.825.685)	(19.983.619.410)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.803.648.035)	(4.220.612.650)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.299.000.000)	(9.601.634.382)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.676.763.143)	(3.199.571.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.754.636.885)	11.398.908.020
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71.500.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		127.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.000.000)	(65.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.060.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.486.930	30.856.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.090.486.930	(34.143.013)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		237.025.000.000	6.494.783.185
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.310.269.000)	(40.799.835.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		126.714.731.000	(34.305.051.882)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		147.050.581.045	(22.940.286.875)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.337.886.480	40.049.658.795
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		157.388.467.525	17.109.371.920

Người lập biểu

LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 28 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 11, tòa nhà Techcombank Cần Thơ, Số 45A-47, Đường 30/4, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Văn phòng đại diện tại 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3602368420 thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2019 là 2.402.124.510.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	Lầu 2, Tòa nhà 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,95%	99,95%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	Lầu 2, Tòa nhà 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	Dự án Grand World, đường Cửa Cạn - Gành Dầu, Bãi Dài, Xã Gành Dầu, TP. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,90%	99,90%
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình Minh	Tổ 1, ấp Hồ Tràm, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	99,90%	99,90%

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") là kinh doanh bất động sản và cơ sở lưu trú du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hoạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Hàng tồn kho

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, Tập đoàn tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021
<input type="checkbox"/> Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
<input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 08 năm
<input type="checkbox"/> Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021
<input type="checkbox"/> Phần mềm, website và tài sản vô hình khác	02 – 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất và nhà ở của căn hộ chung cư do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8,0%.
- Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 0,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 0%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,0%.
- Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa mức lương chính hoặc tiền công của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Quỹ đầu tư và phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập do khách chuyển nhượng lại hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	889.341.188	1.205.238.186
Tiền gửi ngân hàng	14.474.126.337	9.132.648.294
Tiền đang chuyển	142.025.000.000	-
Tổng cộng	157.388.467.525	10.337.886.480

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
Công ty CP Bắc Phước Kiên	31.460.073.524	2.051.688.829
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sao Vàng Tây Đô	102.141.315.437	100.959.365.409
Các khách hàng cá nhân mua bất động sản các dự án của Công ty	278.883.785.632	299.914.484.426
Các khách hàng khác	582.859.441	689.851.350
Tổng cộng	413.068.034.034	403.615.390.014

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền	65.717.747.380	63.717.747.380
Công ty Cổ phần Bắc Phước Kiên	49.850.000.000	49.850.000.000
Ông Lâu Đức Duy	245.000.000.000	245.000.000.000
Khác	25.753.049.570	29.923.059.226
Tổng cộng	386.320.796.950	388.490.806.606

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>		
Tạm ứng	213.781.113.643	208.183.834.036
Thu hộ, chi hộ	8.816.097.322	8.916.097.322
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	946.853.636.200	869.630.281.200
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	503.900.000.000	458.900.000.000
Các khoản phải thu khác	191.883.708.621	224.664.205.076
Tổng cộng	1.865.234.555.786	1.770.294.417.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu vốn hợp tác đầu tư	213.840.988.063	213.840.988.063
Đặt cọc, ký quỹ ký cược dài hạn	571.954.155.515	568.364.519.151
Tổng cộng	785.795.143.578	782.205.507.214

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nguyên vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:	892.812.351.990	875.424.916.477
- Dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	210.364.957.993	212.759.347.113
- Dự án Chung cư cao tầng tại đại lộ Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	169.828.828.736	169.791.828.736
- Dự án Khu Chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	99.932.877.979	97.606.777.232
- Dự án Khu dân cư Tân Thịnh	263.592.035.378	260.699.571.437
- Dự án Khu TMDV thuộc Dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	33.309.822.760	33.228.098.360
- Dự án nhà phố thuộc Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	19.793.160.920	16.807.904.250
- Dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	62.146.380.584	51.184.828.982
- Dự án khác	33.844.287.640	33.346.560.367
Thành phẩm bất động sản	4.332.163.582	4.332.163.582
Hàng hóa	336.600.000	336.600.000
Hàng hóa bất động sản	214.718.000.776	214.718.000.776
- Dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	64.816.983.962	64.816.983.962
- Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền - Khu C	141.002.040.814	141.002.040.814
- Khu dân cư Giang Điền	8.898.976.000	8.898.976.000
Tổng cộng	1.112.199.116.348	1.094.811.680.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	485.228.182	7.459.176.367	970.223.733	8.914.628.282
Mua trong kỳ	-	-	71.500.000	71.500.000
Thanh lý trong kỳ	(183.410.000)	(492.327.273)	-	(675.737.273)
Số dư cuối kỳ	301.818.182	6.966.849.094	1.041.723.733	8.310.391.009
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	404.762.254	3.695.443.012	827.830.370	4.928.035.636
Khấu hao trong kỳ	11.570.619	243.691.566	35.186.224	290.448.409
Thanh lý trong kỳ	(161.083.330)	(492.327.273)	-	(653.410.603)
Số dư cuối kỳ	255.249.543	3.446.807.305	863.016.594	4.565.073.442
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	80.465.928	3.763.733.355	142.393.363	3.986.592.646
Tại ngày 31/03/2021	46.568.639	3.520.041.789	178.707.139	3.745.317.567

Tại ngày 31/03/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 404.850.096 đồng (31/12/2020: 982.927.369 đồng).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.321.041.429	140.000.000	1.461.041.429
Số dư cuối kỳ	1.321.041.429	140.000.000	1.461.041.429
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	705.747.359	140.000.000	845.747.359
Khấu hao trong kỳ	103.361.622	-	103.361.622
Số dư cuối kỳ	809.108.981	140.000.000	949.108.981
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	615.294.070	-	615.294.070
Tại ngày 31/03/2021	511.932.448	-	511.932.448

Tại ngày 31/03/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 220.702.000 đồng (31/12/2020: 220.702.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	7.064.518.302
Số dư cuối kỳ	<u>7.064.518.302</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	58.870.986
Khấu hao trong kỳ	58.870.986
Số dư cuối kỳ	<u>117.741.972</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	<u>7.005.647.316</u>
Tại ngày 31/03/2021	<u>6.946.776.330</u>

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
- Một phần Dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên	288.027.931.514	276.661.954.934
- Dự án tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	65.245.826.468	65.245.826.468
- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bình Minh tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	52.534.019.326	52.412.219.326
- Dự án khác	2.853.331.817	2.853.331.817
Tổng cộng	<u>408.661.109.125</u>	<u>397.173.332.545</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	156.306.229.173	140.618.829.125
Chi phí chờ phân bổ các dự án	78.370.870.386	75.507.234.464
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	1.177.324.334	882.422.579
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	42.892.722	43.811.220
Tổng cộng	<u>235.897.316.615</u>	<u>217.052.297.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí chờ phân bổ dự án chung cư cao tầng tại Đại lộ Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	85.466.259.794	85.895.299.257
Chi phí chờ phân bổ dự án khu chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	24.001.104.592	24.001.104.592
Chi phí môi giới các dự án	15.735.579.298	15.820.529.510
Chi phí công cụ dụng cụ đang phân bổ	105.262.896	196.213.774
Chi phí khác chờ phân bổ	568.197.392	744.018.564
Tổng cộng	125.876.403.972	126.657.165.697

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Tại ngày 01/01/2021	125.761.464.711
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(4.016.519.088)
Tại ngày 31/03/2021	121.744.945.623

16. NỢ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Miền Đông	66.305.479.187	66.305.479.187
Công ty Cổ phần Thương mại & Xây dựng Phúc Thuận Phát	43.355.887.715	44.555.887.715
Công ty CP Đầu tư Và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam	136.182.200.212	76.603.675.045
Công ty Cổ phần Xây dựng FBV	72.181.605.386	65.211.984.251
Khác	130.124.695.268	106.116.403.152
Tổng cộng	448.149.867.768	358.793.429.350

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản khách hàng trả tiền trước theo tiến độ hợp đồng để mua sản phẩm tại các dự án của Tập đoàn.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.020.261.007	5.232.764.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.465.907.630	5.609.363.514
Thuế thu nhập cá nhân	8.438.226.060	6.790.411.102
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	18.593.743.739	18.730.213.739
Tổng cộng	33.518.138.436	36.362.753.061

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Dịch vụ Giang Điền	19.613.705.883	19.612.198.170
Chi phí phải trả dự án phát triển nhà ở thương mại "Chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	18.551.204.070	33.647.382.261
Chi phí phải trả dự án chung cư cụm B, một phần khu dân cư 13E (phía nam), Đô thị mới Nam thành phố, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM	97.138.849.592	97.605.987.187
Chi phí phải trả dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	9.698.028.016	8.698.346.715
Trích trước lương tháng 13	-	4.453.694.286
Khác	4.383.341.413	5.002.195.980
Tổng cộng	149.385.128.974	169.019.804.599

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	172.014.915	2.778.285
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.506.555.522	539.937.602
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	621.157.666.636	544.418.663.666
Thu hộ	121.918.494.645	120.993.728.148
Thu hộ kinh phí bảo trì dự án	17.112.803.728	17.110.849.987
Các khoản phải trả, phải nộp khác	707.963.135	840.477.414
Tổng cộng	762.575.498.581	683.906.435.102

Phải trả dài hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nhận ký quỹ bảo lãnh hợp đồng dài hạn dự án Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	4.177.944.694	4.169.696.530
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	200.000.000	200.000.000
Tổng cộng	4.377.944.694	4.369.696.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	200.000.000.000	176.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	73.957.025.105	73.957.025.105
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	199.411.584.401	199.411.584.401
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	99.490.000.000	137.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:	-	748.020.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	-	748.020.000
Tổng cộng	572.858.609.506	587.616.629.506
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phương Nam	142.025.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	-	1.300.269.000
	142.025.000.000	1.300.269.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(748.020.000)
Tổng cộng	142.025.000.000	552.249.000

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Tại ngày 01/01/2021	53.413.856.742
Trích lập trong kỳ	-
Sử dụng trong kỳ	(1.676.763.143)
Tại ngày 31/03/2021	51.737.093.599

02
Ô
O
Đ
L
BC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	702.572.531.024	475.812.822	3.123.026.203.693
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.375.813.827	(26.567)	1.375.787.260
Tại ngày 31/03/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	703.948.344.851	475.786.255	3.124.401.990.953
Tại ngày 01/01/2021	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(7.652.400.000)	33.884.333.254	675.964.193.964	149.451.862	3.104.404.089.080
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	307.942.462	19.998	307.962.460
Tại ngày 31/03/2021	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(7.652.400.000)	33.884.333.254	676.272.136.426	149.471.860	3.104.712.051.540

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	240.212.451	240.212.451
- Cổ phiếu phổ thông	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu quỹ	765.240	765.240
- Cổ phiếu phổ thông	765.240	765.240
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	239.447.211	239.447.211
- Cổ phiếu phổ thông	239.447.211	239.447.211
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa bất động	39.485.918.145	107.503.986.383	39.485.918.145	107.503.986.383
Doanh thu cung cấp dịch vụ bất động sản	30.084.371.517	4.467.293.767	30.084.371.517	4.467.293.767
Tổng cộng	69.570.289.662	111.971.280.150	69.570.289.662	111.971.280.150
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	32.554.224.719	45.878.653.510	32.554.224.719	45.878.653.510

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa bất động sản	6.931.693.426	61.625.332.873	6.931.693.426	61.625.332.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ bất động sản	30.084.371.517	4.467.293.767	30.084.371.517	4.467.293.767
Tổng cộng	37.016.064.943	66.092.626.640	37.016.064.943	66.092.626.640

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	3.818.907.587	26.703.666.282	3.818.907.587	26.703.666.282
Giá vốn của dịch vụ bất động sản	2.047.466.657	3.316.416.541	2.047.466.657	3.316.416.541
Tổng cộng	5.866.374.244	30.020.082.823	5.866.374.244	30.020.082.823

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Lãi tiền vay ngân hàng	11.723.648.035	4.220.612.650	11.723.648.035	4.220.612.650
Chi phí tài chính khác	80.000.000	-	80.000.000	-
Tổng cộng	11.803.648.035	4.220.612.650	11.803.648.035	4.220.612.650

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.240.532.737	3.227.294.198	1.240.532.737	3.227.294.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.454.537	12.201.971	21.454.537	12.201.971
Chi phí bằng tiền khác	767.418.799	3.755.143.600	767.418.799	3.755.143.600
Tổng cộng	2.029.406.073	6.994.639.769	2.029.406.073	6.994.639.769

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	9.852.927.941	13.683.175.192	9.852.927.941	13.683.175.192
Chi phí vật liệu	302.225.871	416.902.778	302.225.871	416.902.778
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.041.666	1.041.666	1.041.666	1.041.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	382.239.412	387.312.359	382.239.412	387.312.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.172.882.212	6.058.163.135	5.172.882.212	6.058.163.135
Phân bổ lợi thế thương mại	4.016.519.088	2.028.448.998	4.016.519.088	2.028.448.998
Phí và lệ phí	17.000.000	14.000.000	17.000.000	14.000.000
Chi phí bằng tiền khác	357.085.947	587.760.360	357.085.947	587.760.360
Tổng cộng	20.101.922.137	23.176.804.488	20.101.922.137	23.176.804.488

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí vật liệu	302.225.871	416.902.778	302.225.871	416.902.778
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.041.666	1.041.666	1.041.666	1.041.666
Chi phí nhân công	11.093.460.678	16.910.469.390	11.093.460.678	16.910.469.390
Phân bổ lợi thế thương mại	4.016.519.088	2.028.448.998	4.016.519.088	2.028.448.998
Chi phí khấu hao TSCĐ	382.239.412	387.312.359	382.239.412	387.312.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.194.336.749	6.070.365.106	5.194.336.749	6.070.365.106
Chi phí bằng tiền khác	1.141.504.746	4.356.903.960	1.141.504.746	4.356.903.960
Tổng cộng	22.131.328.210	30.171.444.257	22.131.328.210	30.171.444.257

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.155.544.116	461.159.695	1.155.544.116	461.159.695

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	8.262.171	571.027.909	8.262.171	571.027.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

32. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	307.942.462	1.375.813.827
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.397.123)	(68.790.691)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	292.545.339	1.307.023.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	239.447.211	239.822.411
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	5
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1	5

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý I năm nay giảm 1.067.871.365 đồng tương đương giảm 77,62% so với cùng kỳ năm trước. Biến động này chủ yếu do chi phí tài chính Quý này tăng so với cùng kỳ năm trước.

33. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

Tên bên liên quan

Ông Nguyễn Khánh Hưng
Ông Nguyễn Minh Khang
Ông Lê Văn Vũ
Ông Lê Văn Hưng
Ông Ngô Ngọc Huyền

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.006.843.706	2.791.757.333

34. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày 09 tháng 04 năm 2021.

Người lập biểu



LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG